TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 600/2024/DS-PT
Ngày 08 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 478/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 997/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị V: Chị Nguyễn Thúy M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V: Luật sư Đặng Văn Ch, Văn phòng Luật sư Đặng Văn Ch, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1949 (chết)

Địa chỉ: ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H:

1/. Bà Trần Thị B, sinh năm 1950. (vắng mặt)

2/. Bà Lê Thị M, sinh năm 1973. (có mặt)

3/. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1975. (có mặt)

4/. Ông Lê Thanh Tr, sinh năm 1977. (có mặt)

5/. Bà Lê Thị Hồng Ph, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

6/. Bà Lê Thị Thanh Tr, sinh năm 1982.

Đại chỉ: B V Dr H Texas, 77094. USA.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thanh Tr: Ông Lê Thanh Tr, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Trần Thị B, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị B: Ông Lê Thanh Tr, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023. (có mặt)

2/. Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Nh – chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V có thửa đất 249A (nay là thửa 774), diện tích 1.178m^2, tờ bản đồ số 1, tọa lạc B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn S là cha của bà V để lại cho bà V. Trong quá trình sử dụng thì ông Lê Văn H có đất giáp ranh đã lấn chiếm đất của bà V, qua kết quả thẩm định thì phần đất ông H lấn của bà V diện tích 284,4m^2 (Phần ký hiệu A và A1). Nay bà Nguyễn Thị V yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, bà Lê Thị Thanh Tr, ông Lê Thanh Tr trả lại cho bà V phần đất bị ông H lấn chiếm diện tích 284,4m^2 (Phần ký hiệu A và A1).

Ông Lê Thanh Tr là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông là ông Lê Văn H khai phá và sử dụng từ năm 1975 cho đến nay, phía gia đình bà Nguyễn Thị V từ

trước cho đến nay không có sử dụng phần đất này. Từ trước cho đến nay ranh giới phân định giữa phần đất gia đình ông sử dụng với phần đất của gia đình bà V sử dụng là cái mương nước hiện nay vẫn còn. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 249A (nay là thửa 774), diện tích 1.178m^2, tờ bản đồ số 1, tọa lạc B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị V; công nhận phần diện tích đất 253,4m^2 (ký hiệu A), phần diện tích đất 31m^2 (phần ký hiệu A1) và phần diện tích đất 39,7m^2 (phần ký hiệu C1) nằm trong thửa đất 249A (nay là thửa 774), diện tích 1.178m^2, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho những người thừa kế của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr.

Ông Lê Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh Tr (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn H) trình bày:

Do bà Lê Thị Thanh Tr hiện nay đang định cư ở Mỹ nên bà Tr thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 253,4m^2 (ký hiệu A), phần diện tích đất 31m^2 (phần ký hiệu A1) và phần diện tích đất 39,7m^2 (phần ký hiệu C1) nằm trong thửa đất 249A cho những người thừa kế của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn H gồm bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph trình bày: Các bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu trên trên của ông Lê Thanh Tr.

Ông Lê Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày trên của ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024, Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39 , 147, 165, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 1, Điều 2, Điều 20, Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ khoản 3, 20 Điều 4, Điều 10, Điều 48, khoản 3 Điều 49, Điều 50, Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 9, khoản 30 Điều 3, Điều 5, Điều 17, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, bà Lê Thị Thanh Tr, ông Lê Thanh Tr trả lại diện tích đất 284,4m^2 (Phần ký hiệu A, A1) nằm trong diện tích 1.178m^2, thửa đất 249A (nay là thửa 774), tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 249A (nay là thửa 774), diện tích 1.178m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị V.

Công nhận phần diện tích đất 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 249A (nay là thửa 774), tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr được quyền quản lý và sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp giáp phần còn lại thửa 249A (nay là thửa 774) có chiều dài 27m.

Hướng Tây giáp thửa 248 có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 24,5m và đoạn dài 2,95m.

Hướng Nam giáp thửa 250 và giáp Rạch có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 09m và đoạn dài 2,75m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 249A (nay là thửa 774) có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 9,3m và đoạn dài 3,26m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1) trên theo quyết định của Bản án này.

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại quyền sử dụng đất đối với thửa 249A (nay là thửa 774) tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị V sau khi trừ diện tích 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1) công nhận cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành

án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/4/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị V làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị V được UBND huyện D (nay là thị xã D) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 249A (tư liệu 1998), diện tích 1.655m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh vào ngày 01/7/1999, có nguồn gốc do cha bà Hòa là ông Nguyễn Văn S tạo lập.

Căn cứ vào tư liệu năm 1983 thì ông Nguyễn Văn S chỉ kê khai, đăng ký diện diện tích 970m^2; đến năm 1998 bà Nguyễn Thị V kê khai, đăng ký diện tích 1.655m^2; phần diện tích tăng lên 685m^2 nằm trong thửa 318, diện tích 3.640m^2 do ông Lê Văn H kê khai, đăng ký theo tài liệu năm 1983.

Tại Công văn số 1175/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 12/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh và Sơ đồ khu đất kèm theo về việc cung cấp kết quả khảo sát, thẩm định thể hiện phần diện tích đất tranh chấp gồm: Diện tích 253,4m^2 (phần ký hiệu A), diện tích 31m^2 (phần ký hiệu A1) thuộc thửa 249A (nay là thửa 774); diện tích 37m^2 (phần ký hiệu A2) thuộc thửa 250 (phần này nay nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp); diện tích 6,1m^2 thuộc rạch (phần này nay nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp). Đối với diện tích 39,7m^2 (phần ký

hiệu C1), thuộc thửa 249A (nay là thửa 774), phần này khi thẩm định thì phía nguyên đơn không tranh chấp với phía bị đơn. Căn cứ vào sơ đồ khu đất trên thấy rằng phần diện tích mà phía gia đình bà Nguyễn Thị V đang sử dụng *(bao gồm phần đất tách cho bà Nguyễn Thị Ch)* có diện tích là 1.330,9m^2 (Phần ký hiệu B, B1, B3, B4, B5, B6, B7), chưa tính phần diện tích đất tranh chấp 284,4m^2 (Phần ký hiệu A, A1) và phần diện tích 39,7m^2 (Phần ký hiệu C1) thì diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị V sử dụng cũng lớn hơn diện tích đất mà ông Nguyễn Văn S (cha bà V) kê khai năm 1983 là 360,9m^2 (1.330,9m^2 - 970m^2). Nếu tính luôn phần đất tranh chấp 284,4m^2 (Phần ký hiệu A, A1) và phần diện tích 39,7m^2 (Phần ký hiệu C1) thì diện tích bà Nguyễn Thị V được cấp quyền sử dụng lớn hơn diện tích đất cha bà V là ông Nguyễn Văn S kê khai năm 1983 là 685m^2 (1.655m^2 - 970m^2).

Tại Công văn số 723/UBND-NC ngày 23/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã D xác định việc cấp quyền sử dụng đất thửa đất 249A cho hộ bà Nguyễn Thị V và thửa đất 248 cho hộ ông Lê Văn H là chưa đảm bảo đúng về ranh giới sử dụng đất, diện tích sử dụng đất giữa các bên.

Thực tế phần đất tranh chấp do gia đình ông Lê Văn H sử dụng từ năm 1975 cho đến nay, được bà V thừa nhận trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân thị xã D. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện phần đất của gia đình bà V sử dụng với phần đất mà gia đình ông H sử dụng được tách bạch riêng biệt với nhau bởi mương nước; trên phần đất tranh chấp 284,4m^2 có các công trình và cây trồng của gia đình ông H như: nền nhà cũ, cổng rào, đồng hồ nước, cây trồng như cây dừa, cây mít, cây me, cây bạch đàn…, trong đó có cây dừa trên 30 năm tuổi; phần diện tích 39,7m^2 là phần nhà hiện nay của gia đình ông Lê Văn H đang ở. Gia đình ông H có quá trình sử dụng lâu dài phần đất trên, gia đình bà V ở kế bên nhưng cũng không tranh chấp hay ngăn cản gì. Nay bà V cho rằng gia đình ông H lấn chiếm đất của bà và buộc gia đình ông H phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà V, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị V phải chịu. Tuy nhiên, bà V là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 11 tháng

4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng: Điều 1, Điều 2, Điều 20, Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 9, khoản 30 Điều 3, Điều 5, Điều 17, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, bà Lê Thị Thanh Tr, ông Lê Thanh Tr trả lại diện tích đất 284,4m^2 (Phần ký hiệu A, A1) nằm trong diện tích 1.178m^2, thửa đất 249A (nay là thửa 774), tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 249A (nay là thửa 774), diện tích 1.178m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị V.

Công nhận phần diện tích đất 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 249A (nay là thửa 774), tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr được quyền quản lý và sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp giáp phần còn lại thửa 249A (nay là thửa 774) có chiều dài 27m.

Hướng Tây giáp thửa 248 có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 24,5m và đoạn dài 2,95m.

Hướng Nam giáp thửa 250 và giáp Rạch có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 09m và đoạn dài 2,75m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 249A (nay là thửa 774) có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 9,3m và đoạn dài 3,26m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H gồm: Bà Trần Thị B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Hồng Ph, ông Lê Thanh Tr được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất

đối với phần diện tích đất 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1) trên theo quyết định của Bản án này.

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại quyền sử dụng đất đối với thửa 249A (nay là thừa 774) tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã Tr, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị V sau khi trừ diện tích 324,1m^2 (phần ký hiệu A, A1, C1) công nhận cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật.

3/. Về án phí dân sự, chi phí tố tụng sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V được miễn.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (9);
- Lưu VP(5), HS(2).21b.NTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng